TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/02/2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoằng

2. Bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình -Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 649/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022; giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 226 L T T, Tổ 01, phường Y Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Thanh T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 226 L T T, Tổ 01, phường Y Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân Thanh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N H, huyện C P, tỉnh Gia Lai vào ngày 26/12/2017. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp nhau trong cách sống, cách suy nghĩ và việc xây dựng hạnh phúc gia

đình. Do mâu thuẫn căng thẳng chị và anh T sống ly thân, không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã thật sự mất hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Thanh T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Xuân Thanh T: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết*:

Chị Phạm Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Nguyễn Xuân Thanh T. Đơn khởi kiện của chị L được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý, xem xét; anh T cư trú tại thành phố P, nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về việc bị đơn vắng mặt:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh T đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều không đến Tòa án làm việc và

không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân Thanh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Xuân Thanh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N H, huyện C P, tỉnh Gia Lai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 26/12/2017 nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L, trong thời gian chung sống giữa chị với anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp nhau trong cách sống, cách suy nghĩ và việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Do mâu thuẫn căng thẳng chị và anh T sống ly thân, không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng nhưng chị L vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản để chị L và anh T đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt chứng tỏ anh T không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Như vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, quyết định cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Thanh T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không quyết định.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không quyết định.

[4] *Về án phí*: Chị Phạm Thị L là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 94, 144, 146, 147, 207, 227, 228, 235, 264, 266, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Xuân Thanh T.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số thu số 0002492 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; Chị Phạm Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Xuân Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã N H, huyện C P, tỉnh Gia Lai (ĐKKH số 76, ngày 26/12/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm